

Số: 1850 /TĐC - HCHQ

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2021

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;

Điện thoại: 024.39714512;

Email: qlclnifc@gmail.com;

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: **Hóa học, sinh học** (Phụ lục danh mục sản phẩm, hàng hóa kèm theo).

2. Số đăng ký: 111/TN – TĐC.

3. Giấy chứng nhận này cấp lần 14 (mười bốn) và có hiệu lực đến ngày 13/11/2022.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Linh



Phụ lục

**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số: 1850 /TĐC - HCHQ ngày 16 /6/2021
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
I.	Lĩnh vực: Hóa học		
1.	Thuốc bảo vệ thực vật	Xác định hàm lượng Atrazine Phương pháp sắc ký khí	TCVN 10161:2013
2.		Xác định hàm lượng Azadirachtin Phương pháp sắc ký lỏng	TCVN 8383:2010
3.		Xác định hàm lượng Azoxystrobin Phương pháp sắc ký khí	TCVN 10986:2016
4.		Xác định hàm lượng Butachlor Phương pháp sắc ký khí	TCVN 11735:2016
5.		Xác định hàm lượng Bifenazate Phương pháp sắc ký khí	NIFC.04.M.191
6.		Xác định hàm lượng Bentazone Phương pháp sắc ký khí	NIFC.04.M.192
7.		Xác định hàm lượng Clothianidin Phương pháp sắc ký lỏng	NIFC.04.M.187
8.		Xác định hàm lượng Cypermethrin Phương pháp sắc ký khí	TCVN 8143:2009
9.		Xác định hàm lượng Cyromazine Phương pháp sắc ký khí	TCVN 11731:2016
10.		Xác định hàm lượng Hexaconazole Phương pháp sắc ký lỏng	TCVN 8381:2010
11.		Xác định hàm lượng Lufenuron Phương pháp sắc ký lỏng	TCVN 11734:2016

ky

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
11.	Thuốc bảo vệ thực vật	Xác định hàm lượng Lufenuron Phương pháp sắc ký lỏng	TCVN 11734:2016
12.		Xác định hàm lượng Mesotrione Phương pháp sắc ký lỏng	NIFC.04.M.193
13.		Xác định hàm lượng Profenofos Phương pháp sắc ký khí	TCVN 10987:2016
14.		Xác định hàm lượng Pyraclostrobin Phương pháp sắc ký lỏng	NIFC.04.M.188
15.		Xác định hàm lượng Spirotetramat Phương pháp sắc ký lỏng	NIFC.04.M.189
16.		Xác định hàm lượng Tebufenozide Phương pháp sắc ký lỏng	NIFC.04.M.190
II Lĩnh vực: Sinh học			
17.	Ngũ cốc và đậu đỗ	Xác định côn trùng sống nhìn thấy bằng mắt thường/ Xác định sự nhiễm côn trùng ẩn náu	NIFC.06.M.546 TCVN 7847-3:2008

Ghi chú:

- Đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành, Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia phải tuân thủ các quy định của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trước khi thực hiện hoạt động thử nghiệm;

- NIFC.xxx: Phương pháp thử nghiệm nội bộ của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia./.

